

Hán dịch: Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm.

Việt dịch: Việt Nam, Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

TẬP HAI

PHẨM CA DIẾP
BỒ-TÁT - 24.02

Đọc từ đầu trang 442 - 473



NGHI THỨC KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN

Án Lam (7 lần)

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN

Tu rị tu rị, ma-ha tu rị, tu tu rị ta bà-ha. (3 lần)

TỊNH BA NGHIỆP CHƠN NGÔN

**Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ
thuật độ hám.** (3 lần)

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN

Án nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

TÁN PHẬT

Pháp Vương Vô Thượng Tôn

Tam giới vô luân thất

Thiên nhơn chi Đạo sư

Tứ sanh chi Từ phụ

Ư nhứt niệm quy y

Năng diệt tam kỳ nghiệp

Xưng dương nhược tán thán

Ức kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỚNG

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghĩ,
Ngã thử đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: **Nam-mô Tận Hư-không Biến Pháp Giới, Quá, Hiện, Vị Lai Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường Trụ Tam Bảo.** (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: **Nam-mô Ta Bà Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát.** (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: **Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát.** (1 lạy)

TÁN LƯ HƯƠNG

**Lư hương vừa ngún chiên đàn
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cỗi xa
Lòng con kính ngưỡng thiết tha
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần)**

Nam-mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần)

CHÚ ĐẠI BI

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà ra ni. Nam-mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam-mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, Bồ-đề tát đỏa bà da, ma-ha tát đỏa bà da, ma-ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đất na tát đỏa. Nam-mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô yết đế thất Phật ra lăng đà bà.

Nam-mô na ra cần trì hê rị, ma-ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà già, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha:

Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma-ha Bồ-đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông, độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma-ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra mạ mạ phạt ma ra, mục

để lệ, y hê y hê, thất na thất na a ra sâm Phật ra xá lợi, phật sa
 phật sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra
 ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, Bồ-đề dạ Bồ-đề dạ, bồ đà dạ bồ đà
 dạ, di để rị dạ, na ra cần trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha.
 Tất đà dạ ta bà ha. Ma-ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất
 bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha.
 Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma-ha, a tất đà dạ, ta bà
 ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà
 ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ,
 ta bà ha.

Nam-mô hắc ra đát na, đa ra dạ da. Nam-mô a rị da, bà lô yết
 đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

"Án tất điện đô, mạn đa ra, bát đà dạ ta bà-ha." (3 lần)

Nam-mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo. (3 lần)

VĂN PHÁT NGUYỆN

Lạy đấng Tam Giới Tôn

Quy mạng mười phương Phật

Nay con phát nguyện lớn

Trì tụng Kinh Niết-bàn

Trên đèn bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu có ai thấy nghe

Đều phát Bồ-đề tâm,

Khi mãn báo thân này

Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

KHAI KINH KỆ

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu

Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu

Nay con nghe thấy chuyên trì tụng

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nam-mô Đại Bát Niết-bàn Hội Thượng Phật,

Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần)

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN PHẨM CA DIẾP BỒ-TÁT THỨ HAI MƯƠI BỐN

(Trang 442 - 473)

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai nói mười hai bộ kinh đây chẳng phải để lợi cho mình mà chỉ vì lợi ích cho người, nên trí lực thứ năm của Như Lai gọi là giải lực.

Do hai trí lực này nên đức Như Lai biết rõ: người này hiện tại có thể dứt căn lành. Người này đời sau có thể dứt căn lành. Người này hiện tại có thể được giải thoát. Người này đời sau có thể được giải thoát. Do đây nên đức Như Lai được là vô thượng lực sĩ.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, hoặc nói chẳng rốt ráo nhập Niết-bàn.

Những người này chẳng hiểu ý của Như Lai nên nói những lời như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong núi Hương Sơn có năm mươi ba ngàn vị tiên nhơn, những vị này đã tu tập công đức nơi đức Phật Ca Diếp thuở quá khứ, họ chưa được chánh đạo, chưa được gần gũi Phật để nghe chánh pháp.

Vì muốn độ những vị tiên nhơn này nên đức Như Lai bảo A Nan rằng ba tháng sau ta sẽ nhập Niết-bàn. Chư thiên truyền lời này đến núi Hương Sơn.

Các vị tiên nhơn nghe tin Phật sắp nhập Niết-bàn bèn sanh lòng hối hận mà bảo nhau rằng tại sao chúng ta được sanh trong nhơn đạo mà chẳng được gần gũi Phật.

Chư Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu Đàm. Nay chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn để được nghe chánh pháp.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó năm mươi ba ngàn tiên nhơn liền đến ra mắt ta. Ta bèn theo cơ của họ mà thuyết pháp :

Nầy các đại sĩ ! Sắc là vô thường, vì nhơn duyên của sắc là vô thường. Đã từ nhơn vô thường mà sanh thời sắc đâu phải là thường trụ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các tiên nhơn sau khi nghe pháp yếu trên đây tất cả đều chứng được quả A-la-hán.

Nầy Thiện nam tử ! Trong thành Câu Thi Na Kiệt có ba mươi muôn lực sĩ tự thị sức mạnh của mình ngạo nghễ không chịu tùng phục ai.

Vì muốn điều phục các lực sĩ này nên ta bảo Mục Liên đến điều phục các lực sĩ ấy.

Lúc đó Mục Kiền Liên tuân lệnh ta, trọn năm năm giáo hóa nhiều cách, nhưng chẳng thể điều phục được một lực sĩ.

Do đây nên ta bảo A Nan rằng: sau ba tháng đức Phật sẽ nhập Niết-bàn. Các lực sĩ nghe được tin này bèn họp nhau sửa sang đường sá.

Đến ngày Ta từ nước Tỳ Xá Ly đến thành Câu Thi Na. Giữa đường thấy các lực sĩ, ta liền hóa thân làm vị Sa-môn hỏi các lực sĩ rằng : Bọn đồng tử kia làm việc gì thế ?

Các lực sĩ đều nổi giận nói rằng : Này Sa-môn ! Tại sao ông gọi chúng ta là đồng tử ?

Ta bảo các lực sĩ:

Bọn người đến ba mươi muôn người mà không đủ sức dời nổi hòn đá nhỏ nhít này. Nên Ta gọi là đồng tử đâu phải lời quá đáng.

Các lực sĩ nói: Nếu ông gọi chúng ta là đồng tử, thì ông phải là bậc đại nhơn.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta dùng hai ngón chơn hất văng hòn đá ấy.

Các lực sĩ thấy như vậy liền hết khinh ngạo mà nói rằng :

Này Sa-môn ! Nay ông có thể dời hòn đá này ra khỏi đường chẳng ?

Ta nói này các đồng tử ! Do nhơn duyên gì mà các người sửa sang con đường này ?

Các lực sĩ nói:

Này Sa-môn ! Đức Thích Ca Như Lai sẽ do con đường này đi đến rừng Ta La mà nhập Niết-bàn, nên chúng ta họp nhau lại sửa sang.

Ta khen rằng : Lành thay ! Các đồng tử đã phát tâm tốt như vậy, Ta sẽ dòi hòn đá này cho các ông.

Nói xong Ta liền lấy tay bưng hòn đá dòi lên giữa hư không. Các lực sĩ kinh hãi muốn chạy tránh.

Ta liền bảo họ rằng : Các người chẳng nên kinh sợ ! Rồi Ta lấy tay húng bắt hòn đá để trên bàn tay mặt.

Các lực sĩ đều vui mừng khen ngợi hỏi rằng :

Này Sa-môn ! Hòn đá ấy là thường hay vô thường ?

Ta liền dùng miệng thổi hòn đá tan nát ra như cát bụi.

Các lực sĩ thấy như vậy đồng cất tiếng xướng rằng:

Hòn đá ấy là vô thường ! Họ sanh lòng hổ thẹn không còn có tâm niệm kiêu mạn.

Ta liền hiện lại hình Phật mà vì họ thuyết pháp. Ba mươi muôn lực sĩ đều phát tâm vô thượng Bồ-đề.

Này Thiện nam tử ! Nơi thành Câu Thi Na có người thợ tên Thuần Đà.

Người này nơi thời kỳ đức Phật Ca Diếp đã phát nguyện rằng : Lúc Thích Ca Như Lai nhập Niết-bàn, ta sẽ là người cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Phật.

Do đây nên Ta ở nước Tỳ Xá Ly bảo Tỳ-kheo Ưu Bà Ma Na rằng: sau ba tháng Ta sẽ nhập Niết-bàn nơi rừng Ta La trong thành Câu Thi Na, ông nên qua cho Thuần Đà hay !

Này Thiện nam tử ! Trong thành Vương Xá có vị Ngũ Thông Tiên Nhơn tên là Tu Bạt Đà La được một trăm hai mươi tuổi. Tiên nhơn này thường tự xưng là bực nhứt thiết trí sanh lòng kiêu mạn. Tiên nhơn này đã vun trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật thuở quá khứ.

Vì muốn điều phục Tiên nhơn này nên Ta bảo A Nan rằng: sau ba tháng ta sẽ nhập Niết-bàn ! Tu Bạt Đà La nghe tin này sẽ sanh lòng kính tin mà đến ra mắt ta. Ta sẽ độ ông chứng quả A-la-hán.

Này Thiện nam tử ! Nơi thành La Duyệt Kỳ, Thái Tử Thiện Kiến muốn hại vua cha là Tần Bà Ta La, mà chưa có dịp hại được.

Lúc đó Đề Bà Đạt Đa cũng muốn hại ta, bèn tu tập chứng được ngũ thông, làm bạn thân với Thái Tử Thiện Kiến. Vì Thái Tử mà hiện thần thông. Thái Tử rất kính mến cúng dường trọng hậu.

Một lúc kia Thái Tử thưa với Đề Bà Đạt Đa rằng :

Bạch Đại Sư Thánh nhơn, nay tôi muốn thấy hoa Mạn Đà La.

Đề Bà Đạt Đa liền đến cung trời Đao Lợi, xin bông Mạn Đà La, vì phước đã hết nên không vị trời nào chịu cho.

Xin không được bông, Đề Bà Đạt Đa suy nghĩ rằng : Cây Mạn Đà La vốn không ngã, không ngã sở, nếu ta tự lấy bông nào có tội gì. Nghĩ xong Đề Bà Đạt Đa đến bên cây muốn lấy bông, liền mất thần thông, trở lại thấy thân mình ở nơi Vương Xá, sanh lòng hổ thẹn chẳng dám đến gặp Thái Tử Thiện Kiến.

Đề Bà Đạt Đa lại nghĩ rằng: nay ta nên đến chỗ Phật đòi đại chúng. Nếu Phật cho ta sẽ tùy ý sai bảo Xá Lợi Phất v.v...

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Phật mà bạch rằng :

Ngưỡng mong đức Như Lai đem đại chúng này giao phó cho tôi, tôi sẽ thuyết pháp giáo hóa họ.

Phật nói : Người ngu si ! Xá Lợi Phất v.v... là bậc thông minh đại trí mọi người tin phục, mà ta còn chẳng đem đại chúng giao phó, huống người là người ngu si ăn nước miếng của kẻ khác ư !

Lúc đó Đề Bà Đạt Đa càng sanh ác tâm nói rằng :

Này Cù Đàm! Nay dầu ông điều phục đại chúng, nhưng thế cũng chẳng được lâu sẽ phải bị tiêu diệt ! Vừa nói xong đất liền rung động, Đề Bà Đạt Đa té xuống đất, bên thân ông ấy phát ra luồng gió mạnh thổi bụi đất lấm dơ cả mình.

Đề Bà Đạt Đa thấy tướng xấu này lại nói rằng :

Nếu thân ta hiện đời phải đọa A Tỳ địa ngục, ta phải báo sự oán thù lớn này.

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Thái Tử Thiện Kiến.

Thái Tử hỏi:

Đại sư Thánh nhơn có sao dung nhan tiều tụy, sắc diện lo buồn?

Đề Bà Đạt Đa nói :

Ta luôn luôn như vậy mà Thái Tử chẳng biết ư ?

Thái Tử hỏi :

Có nhơn duyên gì như vậy ? Xin Đại Sư dạy rõ.

Đề Bà Đạt Đa nói :

Nay ta cùng Thái Tử thân mến nhau. Người ngoài mắng nhiếc Thái Tử, lẽ đâu ta chẳng lo buồn.

Thái Tử hỏi :

Người ta mắng nhiếc tôi như thế nào ?

Đề Bà Đạt Đa nói :

Mọi người mắng Thái Tử là vị sanh oán.

Thái Tử hỏi :

Sao lại gọi tôi là vị sanh oán ?

Ai đặt ra danh từ này ?

Đề Bà Đạt Đa nói :

Lúc chưa sanh Thái Tử, tất cả tướng sư đều bảo rằng lúc đứa trẻ này lớn lên sẽ giết cha, do đó người ngoài đều gọi Thái Tử là vị sanh oán. Người trong cung vì muốn Thái Tử vui lòng nên đặt là Thiện Kiến.

Vì Đề Hy phu nhơn nghe lời tướng sư, lúc sanh Thái Tử từ trên lầu cao ném xuống đất, làm gãy mất một ngón tay của Thái Tử. Do có này nên mọi người lại gọi tên Thái Tử là Chiết Chỉ.

Ta nghe những việc này trong lòng lo buồn, nhưng lại chẳng dám nói với Thái Tử.

Đề Bà Đạt Đa đem những việc ác như vậy xúi Thái Tử giết vua cha mà bảo rằng : Nếu Thái Tử giết vua cha, thời ta cũng có thể giết Sa-môn Cù Đàm.

Thái Tử hỏi đại thần Võ Hành. Đại thần thuật sự tích đặt tên đúng như lời của Đề Bà Đạt Đa.

Thái Tử nghe xong liền cùng đại thần bắt vua cha giam ở ngoài thành, sai bốn đội binh giữ gìn nghiêm ngặt. Phu nhon Vi Đề Hy đến thăm vua. Người giữ cửa nhà giam chẳng cho vào. Phu nhon cả giận bèn quở mắng. Người giữ cửa đem việc này thưa với Thái Tử. Thái Tử Thiện Kiến giận dữ vào cung nắm tóc mẹ rút gươm muốn chém.

Kỳ Bà liền đến can rằng :

Tâu Đại Vương ! Từ khi lập quốc đến nay, dầu tội rất nặng cũng chẳng xử đến người nữ, huống là mẹ đẻ.

Thái Tử vì nể Kỳ Bà nên không giết phu nhơn. Dứt hẳn sự uống ăn thuốc men của vua cha. Quá bảy ngày vua cha chết. Thiện Kiến Thái Tử mới sanh lòng hối hận.

Đại Thần Võ Hành tâu rằng :

Tất cả hành nghiệp đều không có tội, sao Đại Vương lại sanh lòng hối hận buồn rầu.

Kỳ Bà tâu rằng :

Đại Vương nên biết rằng việc làm của Đại Vương gồm hai tội nặng : một là tội giết cha, hai là tội giết Tu-đà-hoàn. Tội nặng như vậy trừ Phật không ai có thể làm cho tội đó được trừ diệt.

Vua nói: Đức Như Lai thanh tịnh, ta là người tội nhor uế, làm sao dám đến thấy Phật.

Nầy Thiện nam tử ! Ta biết việc này nên bảo A Nan rằng: sau ba tháng Ta sẽ nhập Niết-bàn.

Thái Tử Thiện Kiến nghe tin này liền đến ra mắt ta. Ta vì Thiện Kiến mà thuyết pháp, do đây tội nặng được bớt nhẹ, Thiện Kiến được vô căn tín.

Nầy Thiện nam tử ! Hàng đệ tử của ta nghe những lời này chẳng hiểu ý của ta, nên cho rằng đức Như Lai quyết định nói rốt ráo nhập Niết-bàn.

Phật bảo Ca Diếp Bồ-tát :

Nầy Thiện nam tử ! Bồ-tát có hai hạng : Một là thật nghĩa, hai là giả danh.

Giả danh Bồ-tát nghe tin Phật sau ba tháng sẽ nhập Niết-bàn, đều sanh lòng thối thất mà nói rằng :

Đức Như Lai còn là vô thường, tại sao chúng ta lại vì sự vô thường mà lại cần khổ trong vô lượng đời. Đức Như Lai thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn không thể phá hoại được tử ma, huống là bọn ta.

Này Thiện nam tử ! Ta vì hạng Bồ-tát này mà nói rằng Như Lai thường trụ không có biến đổi.

Các đệ tử của Ta nghe lời trên đây chẳng hiểu ý của Ta bèn xướng rằng đức Như Lai trọn chẳng rốt ráo nhập Niết-bàn.

Này Thiện nam tử ! Có những chúng sanh chấp đoạn kiến bảo rằng tất cả chúng sanh sau khi thân thể chết mất, những nghiệp thiện, nghiệp ác không có người lãnh thọ.

Ta vì những người này mà nói rằng: quả báo lành cũng như quả báo ác thiết có người lãnh thọ. Do đâu biết rằng có ?

Như thuở quá khứ nơi thành Câu Thi Na có Thiện Kiến Vương: Lúc làm đồng tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, thời kỳ làm Thái tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, đến lúc lên ngôi vua cũng trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi.

Thiện Kiến Vương ngồi riêng một mình suy nghĩ rằng :

Chúng sanh phước mỏng tuổi thọ ngắn ngủi, thường có bốn thứ oan gia theo dõi mà chúng sanh chẳng hay biết, mãi phóng dật. Ta nên xuất gia tu hành dứt tuyệt bốn thứ oan gia sanh, già, bệnh, chết.

Nhà vua sai quan xây nhà thất bảo ở ngoài thành rồi bảo quần thần, hậu phi, các vương tử cùng tất cả quyến thuộc :

Nay ta muốn xuất gia các người có bằng lòng chăng ?

Các đại thần cùng quyền thuộc đều bằng lòng. Thiện Kiến Vương đem theo một người hầu hạ qua ở nơi nhà thất bảo tu tập từ tâm trải qua tám muôn bốn ngàn năm.

Do sự tu tập từ tâm này nên sau đó trải qua tám muôn bốn ngàn đời thường làm Chuyển Luân Thánh Vương, ba mươi đời làm Thích Đề Hoàn Nhon, vô lượng đời làm tiểu quốc vương.

Này Thiện nam tử ! Thiện Kiến Vương thuở xưa đó chính là tiền thân của ta.

Các đệ tử của Ta nghe những lời trên đây chẳng hiểu ý của Ta bèn nói rằng : Đức Như Lai quyết định nói có ngã và có ngã sở.

Lại một thời kỳ kia Ta vì chúng sanh mà nói rằng ngã chính là tánh, nghĩa là những nhơn duyên trong thân ngoài cảnh, mười hai

nhơn duyên, ngũ ấm, tâm, giới, công đức, hành nghiệp, tự tại thiên chính đây gọi là ngã.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai quyết định nói có ngã.

Này Thiện nam tử ! Ngày kia có một Tỳ-kheo đến bạch rằng :
Thế Tôn ! Thế nào gọi là ngã, ai là ngã ?

Duyên gì mà có ngã ?

Ta bảo Tỳ-kheo đó rằng :

Này Tỳ-kheo không có ngã không có ngã sở. Ngã đó chính là trước không mà nay có, có rồi trở lại không. Lúc nó sanh không từ đâu lại, lúc nó diệt cũng không đến đâu. Dầu có nghiệp quả mà không có tác giả, không có ai rời bỏ ngũ ấm cũng như không có ai thọ lấy ngũ ấm.

Như lời ông hỏi thế nào là ngã ? Ngã đó chính là thời kỳ vậy.

Ai là ngã ? Chính là nghiệp vậy.

Duyên gì mà có ngã ? Chính là ái vậy.

Này Tỳ-kheo ! Như hai tay vỗ nhau trong đó phát ra tiếng. Ngã cũng như vậy, chúng sanh, nghiệp, ái, do ba nhơn duyên này mà gọi đó là ngã.

Này Tỳ-kheo ! Nơi tất cả chúng sanh, sắc chẳng phải là ngã, trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã, thọ tưởng hành thức cũng như vậy.

Này Tỳ-kheo ! Các ngoại đạo đều nói là có ngã nhưng trọn chẳng lìa ngũ ấm. Không bao giờ có thể nói rằng riêng có ngã rời ngoài ngũ ấm. Tất cả chúng sanh, hành nghiệp như huyễn hóa như dương diệm.

Này Tỳ-kheo ! Ngũ ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta giảng dạy những lời trên đây, có vô lượng Tỳ-kheo quán ngũ ấm là vô ngã, là không ngã sở, mà chứng đắc quả A-la-hán.

Này Thiện nam tử ! Các đệ tử của Ta nghe lời nói trên đây chẳng hiểu được ý của ta cho rằng: đức Như Lai quyết định nói vô ngã.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta lại nói rằng do ba sự hòa hiệp mà có thân : Cha mẹ, trung ấm.

Hoặc có lúc ta nói bực A-na-hàm nơi hiện thân nhập Niết-bàn,

Hoặc nói nơi thân trung ấm nhập Niết-bàn.

Hoặc nói rằng thân căn của trung ấm minh mẫn sáng suốt đều do nơi hạnh nghiệp đời trước, như đèn hồ trong sạch.

Nầy Thiện nam tử ! Có lúc Ta nói rằng chúng sanh tẻ ác thọ thân trung ấm xấu xí như vãi bố thô. Chúng sanh thuần thiện thọ thân trung ấm tốt đẹp như lụa trắng.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói có thân trung ấm.

Nầy Thiện nam tử ! Ta lại vì những chúng sanh phạm tội nghịch mà nói rằng kẻ tạo tội ngũ nghịch sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ.

Ta lại nói rằng Tỳ-kheo Đàm Ma Lưu Chi, sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ, nơi khoảng giữa không chỗ dừng ở.

Ta lại bảo Phạm Chí Độc Tử :

Nầy Phạm Chí ! Nếu có thân trung ấm thời có sáu sự có. Ta lại nói có chúng sanh cõi vô sắc không có thân trung ấm.

Các đệ tử của Ta nghe lời trên đây chẳng hiểu được ý của Ta bèn nói rằng: đức Phật quyết định nói không thân trung ấm.

Nầy Thiện nam tử ! Trong khế kinh Ta lại nói có thối thất. Nhơn nơi vô lượng sự giải đãi biếng trễ, các Tỳ-kheo chẳng tu hành đạo hạnh nên nói có năm điều thối thất :

Một là thích nhiều việc,

Hai là thích nói việc đời,

Ba là ưa ngủ nghỉ,

Bốn là ưa gần người tại gia,

Năm là ưa thường dạo đi,

Do năm nhơn duyên này làm cho Tỳ-kheo thối thất.

Nhơn duyên thối thất lại có hai thứ :

Một là nội nhơn, hai là ngoại nhơn,

Bực A-la-hán đầu rời khỏi nội nhơn chẳng lìa ngoại nhơn. Do nhơn duyên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não thời thối thất.

Có Tỳ-kheo tên là Cù Đàm, sáu phen thối thất, sanh lòng hổ thẹn lại tiến tu lần thứ bảy bèn được, được rồi sợ thối thất lấy dao tự đâm mình mà chết.

Ta lại nói có lúc giải thoát, hoặc nói sáu hạng A-la-hán. Các đệ tử Ta nghe những lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như lai quyết định nói có thối thất.

Này Thiện nam tử ! Trong kinh lại nói như đã cháy thành than thời chẳng còn trở lại làm cây gỗ. Như bình đã bể thời không còn công dụng của bình. Phiền não cũng như vậy, A-la-hán đã dứt thời trọn chẳng có lại nữa.

Ta cũng nói chúng sanh nhơn duyên có phiền não do ba điều :

Một là chưa dứt phiền não,

Hai là chẳng dứt nhơn duyên,

Ba là chẳng khéo suy nghĩ.

Bực A-la-hán không có hai điều : Nghĩa là đã dứt phiền não và đã khéo suy nghĩ.

Các đệ tử của Ta nghe lời này, chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai quyết định nói không thối thất.

Trong kệ kinh ta nói thân của Như Lai có hai thứ : Một là sanh thân, hai là pháp thân.

Sanh thân là thân phương tiện ứng hóa. Thân này có thể nói là sanh già bệnh chết, cao thấp đen trắng, là đây là kia là học là vô học.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp hữu vi.

Pháp thân là thường lạc ngã tịnh, lìa hẳn tất cả sanh già bệnh chết, chẳng phải trắng đen, chẳng phải cao thấp, chẳng phải đây kia, chẳng phải học vô học. Phật ra đời hoặc chẳng ra đời vẫn thường trụ chẳng động không biến đổi.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng: đức Như lai quyết định nói thân Phật là pháp vô vi.

Này Thiện nam tử ! Trong kệ kinh ta nói mười hai nhưn duyên:

Từ vô minh sanh ra hành, từ hành sanh ra thức,

Từ thức sanh ra danh sắc, từ danh sắc sanh ra lục nhập,

Từ lục nhập sanh ra xúc, từ xúc sanh ra thọ,

Từ thọ sanh ra ái, từ ái sanh ra thủ, từ thủ sanh ra hữu,

Từ hữu sanh ra sanh, từ sanh thời có già chết buồn khổ.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói mười hai nhơn duyên quyết định là hữu vi.

Lại một ngày kia ta bảo các Tỳ-kheo rằng mười hai nhơn duyên tánh tướng là thường trụ, không luận có Phật hay không Phật.

Có mười hai duyên chẳng từ duyên sanh, có từ duyên sanh chẳng phải mười hai duyên, có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên, có chẳng phải duyên sanh mà cũng chẳng phải là mười hai duyên.

Có mười hai duyên chẳng phải là duyên sanh, chính là mười hai chi đời vị lai. Có từ duyên sanh mà chẳng phải là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của A-la-hán. Có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của phàm phu.

Mười hai nhơn duyên chẳng phải duyên sanh, chẳng phải mười hai duyên chính là hư không Niết-bàn.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng: đức Như Lai nói mười hai nhơn duyên quyết định là vô vi.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác, lúc chết, tứ đại này liền hư hoại.

Người tạo nghiệp thuần thiện tâm thức liền đi lên, người tạo nghiệp thuần ác tâm thức liền đi xuống.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói tâm quyết định là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Một thuở kia ta nói với vua Tần Bà Ta La rằng: Này Đại vương ! Sắc là vô thường vì từ nhơn vô thường mà sanh ra sắc.

Nếu sắc đã từ nhơn vô thường mà sanh, người trí không bao giờ nói sắc là thường. Nếu sắc là thường lẽ ra chẳng hoại diệt sanh các khổ não. Nay thấy sắc hoại diệt nên biết rằng sắc là vô thường. Như sắc, thọ tướng hành thức cũng như vậy.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói tâm quyết định đoạn diệt.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói hàng đệ tử lãnh thọ những hoa hương, vàng bạc, vật báu, vợ con, tôi tớ, tám vật bất tịnh, chúng được chánh đạo, đã chúng được chánh đạo cũng chẳng rời bỏ những vật ấy.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục chẳng chướng ngại thánh đạo.

Lại có lúc Ta nói người tại gia không thể chứng được chánh đạo. Hàng đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục quyết định chương ngại chánh đạo.

Trong kệ kinh ta nói xa lìa phiền não chưa được giải thoát như côi dục tu tập pháp thế đệ nhứt.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói pháp thế đệ nhứt chỉ là côi dục.

Trong kệ kinh ta lại nói noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp, thế đệ nhứt pháp thuộc nơi sơ thiền đến tứ thiền.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói bốn pháp ấy thuộc nơi côi sắc.

Trong khế kinh ta lại nói hàng ngoại đạo đã dứt được phiền não cõi tứ thiên, tu tập noãn pháp, đánh pháp, nhấn pháp, thế đệ nhứt pháp, quán tứ đế chứng quả A-na-hàm.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói thế đệ nhứt pháp thuộc nơi cõi vô sắc.

Trong khế kinh Ta từng nói trong bốn thứ bố thí có ba điều trong sạch :

- Một là thí chủ tin hơn tin quả tin bố thí, người thọ chẳng tin hơn, chẳng tin quả cùng bố thí.
- Hai là thí chủ chẳng tin hơn quả và bố thí, người thọ tin hơn quả và bố thí.
- Ba là thí chủ và người thọ cả hai đều có lòng tin.
- Bốn là thí chủ và người thọ cả hai đều chẳng tin.

Bốn thứ bố thí trên đây ba hạng ban đầu là trong sạch.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói bố thí chỉ thuộc nơi ý.

Có một lúc kia ta lại nói rằng người bố thí lúc bố thí đem năm việc ra bố thí :

- Một là bố thí sắc,
- Hai là bố thí sức lực,
- Ba là bố thí an ổn,
- Bốn là bố thí mạng sống,
- Năm là bố thí biện tài.

Do nhơn duyên này nên thí chủ trở lại được năm quả báo.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Phật nói bố thí tức là năm ấm.

Có một lúc Ta nói rằng : Niết-bàn tức là viễn ly, phiền não dứt hẳn không còn thừa sót, như đèn đã tắt, không còn pháp gì sanh trở lại, Niết-bàn cũng như vậy.

Nói hư không đó tức là không chỗ có, như trong đời gọi chỗ không có là hư không, chẳng phải do trí dứt mới không chỗ có.

Nếu hư không là có lẽ ra phải có nhơn duyên, nếu đã có nhơn duyên lẽ ra phải có dứt diệt, bởi hư không vốn là không nên không có dứt diệt.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Phật nói không có ba pháp vô vi.

Một lúc kia Ta bảo Mục Kiền Liên rằng:

Luận về Niết-bàn tức là chương cú, tức là dấu vết, tức là chỗ rõ ráo, là chỗ vô sở úy, là bậc đại sư, là đại quả, là trí rõ ráo, là đại

nhẫn, là vô ngại tam muội, là đại pháp giới, là cam lộ vị, là khó thấy biết.

Này Mục Kiền Liên ! Nếu nói rằng không Niết-bàn, tại sao có người sanh lòng hủy báng Niết-bàn lại phải đọa địa ngục.

Các đệ tử của Ta nghe lời này, chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói có Niết-bàn.

Lại một lúc kia Ta bảo Mục Kiền Liên rằng:

Nhẫn căn chẳng bền chắc, nhẫn đến thân cũng chẳng bền chắc. Vì chẳng bền chắc nên gọi là hư không. Ăn nuốt xuống rồi xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không.

Các đệ tử của Ta nghe lời này, chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai quyết định nói có hư không vô vi.

Ta lại bảo Mục Kiền Liên:

Có người chưa được quả Tu-đà-hoàn, lúc trụ nơi nhĩn pháp, dứt vô lượng quả báo trong ba đường dữ, nên biết rằng chẳng phải trừ nơi trí mà dứt diệt.

Các đệ tử của Ta nghe lời này, chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai quyết định nói có chẳng phải do trí mà dứt diệt.

Lại một lúc kia ta nói với Tỳ-kheo Bạt Ba:

Nếu Tỳ-kheo quán nơi sắc : Hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế.

Những sắc như vậy chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán như vậy có thể dứt được lòng tham ái nơi sắc.

Bạt Ba bạch rằng : Thế nào gọi là sắc ?

Ta đáp : Tứ đại gọi rằng sắc. Thọ, tướng, hành, thức: bốn ấm này gọi là danh.

Các đệ tử của Ta nghe lời này, chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai quyết định nói sắc là tứ đại.

Này Thiện nam tử ! Ta lại nói rằng: như nhơn nơi mặt gương mà có bóng hình hiện ra, sắc cũng như vậy nhơn nơi tứ đại tạo thành. Chính là những thứ to nhỏ, rít trơn, xanh vàng đỏ trắng, dài vắn, vuông tròn, cong ngay, nhẹ nặng, lạnh nóng, đói khát, khói mây, bụi mù. Đây gọi là những sắc do tứ đại tạo thành dường như vang bóng.

Các đệ tử của Ta nghe lời này, chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói có tứ đại thời có sắc do tứ đại tạo thành, hoặc nói có tứ đại mà không có sắc.

Này Thiện nam tử ! Trước kia Phương Tử Bồ-đề nói rằng nếu có Tỳ-kheo trì giới lúc phát tâm ác, nên biết rằng lúc đó mất giới Tỳ-kheo.

Ta nghe lời này bèn bảo rằng :

Này Phương Tử ! Giới có bảy thứ từ nơi thân và miệng mà có vô tác biểu sắc. Do nhơn duyên vô tác biểu sắc này nên đầu tâm của Tỳ-kheo ở trong ác vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới, vẫn còn gọi là trì giới.

Các đệ tử của Ta nghe lời này, chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Phật nói có vô tác biểu sắc.

Này Thiện nam tử ! Trong các kinh khác ta có nói rằng giới chính là ngăn chế pháp ác, nếu chẳng làm ác đây gọi là trì giới.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn xướng rằng: đức Như Lai quyết định nói không có vô tác biểu sắc.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta từng nói sắc ấm của thánh nhơn nhãn đến thức ấm đều là do vô minh sanh ra. Tất cả phàm phu cũng như vậy:

Từ vô minh sanh ra ái, nên biết rằng ái này chính là vô minh,

Từ ái sanh ra thủ, nên biết rằng thủ này chính là vô minh ái.

Từ thủ sanh ra hữu, hữu này chính là vô minh ái thủ.

Từ hữu sanh ra thọ, nên biết rằng thọ này chính là hành hữu.

Từ nơi thọ sanh ra danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục, nhập v.v... do đây nên thọ chính là mười hai chi.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói không có tâm sở.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta từng nói từ nơi nhân, sắc, minh và ác dục, do bốn thứ này làm nhơn duyên sanh ra nhân thức.

Ác dục trong đây chính là vô minh, lúc dục cầu thời gọi là ái, do ái mà có thủ, thủ đây gọi là nghiệp.

Nghiệp làm duyên cho thức,

Thức làm duyên cho danh sắc,

Danh sắc làm duyên cho lục nhập,

Lục nhập làm duyên cho xúc,

Xúc làm duyên cho tưởng thọ ái, tín, tinh tấn, định và huệ.

Những pháp này nhơn nơi xúc mà sanh nhưng chẳng phải là xúc.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói có tâm sở.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có lúc ta nói chỉ có một cõi, hoặc nói hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, nhần đến hai mươi lăm cõi.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói có năm cõi, hoặc nói có sáu cõi.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ở nơi rừng Ni Câu Đà tại thành Ca Tỳ La Vệ, Thích Ma Nam bạch với ta rằng :

Thế Tôn sao gọi là Ưu-bà-tắc ?

Ta nói : Nếu có Thiện nam tử hoặc Thiện nữ nhơn nào căn thân đầy đủ thọ ba pháp quy y thời gọi là Ưu-bà-tắc.

Thích Ma Nam lại hỏi :

Thế Tôn, sao gọi là nhứt phần Ưu-bà-tắc ?

Ta nói : Nếu thọ ba pháp quy y và thọ một giới thời gọi là nhứt phần Ưu-bà-tắc.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói Ưu-bà-tắc được thọ từ phần.

Lại một lúc kia ta ở bên sông Hằng, Ca Chiên Diên đến bạch với Ta rằng :

Thế Tôn ! Tôi giáo hoá chúng sanh khiến họ thọ pháp bát quan trai : Hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm, những người này được thành trai pháp chăng ?

Ta nói : Nay Ca Chiên Diên, những người này chỉ được điều lành mà chẳng được gọi là được trai pháp.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn nói rằng đức Như Lai nói pháp bát quan trai thọ đủ mới được.

Trong khế kinh ta từng nói rằng nếu có Tỳ-kheo đã phạm bốn tội trọng thời chẳng gọi là Tỳ-kheo, gọi là phá Tỳ-kheo, hư mất Tỳ-kheo, chẳng còn có thể sanh chủng tử pháp lành.

Như hột giống đã cháy chẳng còn mọc mầm sanh bông trái, như cây Đa-la nếu ngọn đã bị đứt thời chẳng còn sanh trái.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói các Tỳ-kheo phạm giới trọng rồi bèn mất giới Tỳ-kheo.

Trong khế kinh, ta vì Thuần Đà mà nói bốn hạng Tỳ-kheo :

- Một là hạng rốt ráo đến chánh đạo,
- Hai là hạng chỉ bày chánh đạo,
- Ba là hạng lãnh thọ chánh đạo,
- Bốn là hạng nhiễm ô chánh đạo.

Người phạm bốn tội trọng là hạng nhiễm ô chánh đạo.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói các Tỳ-kheo đã phạm bốn tội trọng chẳng mất giới.

Trong khế kinh ta bảo các Tỳ-kheo có nhứt thừa, nhứt đạo, nhứt hạnh, nhứt duyên, bốn pháp này có thể làm cho chúng sanh được đại tịch tịnh, dứt hẳn tất cả sự ràng buộc sâu khổ, khổ quả cùng khổ nhơn, làm cho tất cả chúng sanh đến nơi nhứt thừa.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói Tu-đà-hoàn nhĩn đến A-la-hán đều được Phật đạo.

Này Thiện nam tử ! Trong kệ kinh Ta nói Tu-đà-hoàn bảy lần sanh qua lại trong nhơn gian cùng cõi trời, bèn chứng A-la-hán nhập Niết-bàn.

Tư-đà-hàm một lần sanh trong nhơn gian và cõi trời bèn nhập Niết-bàn.

A-na-hàm phàm có năm hạng : Hoặc có trung gian nhập Niết-bàn nhân đến thượng lưu nhập Niết-bàn.

A-la-hán phàm có hai hạng : Một là hiện tại, hai là vị lai, hiện tại cũng dứt phiền não ngũ ấm, vị lai cũng dứt phiền não ngũ ấm.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói Tu-đà-hoàn đến A-la-hán chẳng được Phật đạo.

Trong kệ kinh ta từng nói Phật tánh đủ có sáu điều :

- Một là thường,

- Hai là thật,
- Ba là chơn,
- Bốn là thiện,
- Năm là tịnh,
- Sáu là có thể thấy.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải sắc thính hương vị xúc. Phật tánh cũng như vậy.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh dường như kho châu báu ẩn kín trong nhà của bần nữ, như Kim Cang bảo châu ẩn trên trán của lực sĩ, như tuổi Cam Lộ của Chuyển Luân Thánh Vương.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói hàng Nhứt-xiển-đề phạm bốn tội trọng, hủy báng kinh điển đại thừa, tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Những chúng sanh này đều không có pháp lành. Phật tánh là lành.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thì chẳng được vô thượng Bồ-đề.

Do đây nên Ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ rờ voi : Như bọn người mù nói hình dạng của voi, dầu chẳng trúng nhưng đều chẳng rời ngoài voi. Chúng sanh nói sắc, nói thọ tướng hành thức là Phật tánh cũng như vậy, dầu chẳng phải là Phật tánh nhưng chẳng phải rời Phật tánh.

Như ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ ống không hầu, Phật tánh cũng như vậy.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn lập ra nhiều thuyết khác nhau, như người mù hỏi màu của sữa, Phật tánh cũng như vậy.

Do có này, hoặc có người nói hàng Nhứt-xiển-đề phạm bốn tội trọng hủy báng kinh Đại Thừa tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Hoặc có người nói là không có Phật tánh.

Trong khế kinh nhiều lần ta nói rằng một người xuất thế thời nhiều người được lợi ích.

Trong một cõi nước không có hai vua Chuyển Luân.

Trong một thế giới không có hai đức Phật xuất thế.

Một tứ thiên hạ không có tám Tứ Thiên Vương, nhứt đến không có hai Tha Hoá Tự Tại Thiên. Ta nói từ Diêm Phù Đề, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến trời Sắc Cứu cánh.

Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta bèn cho rằng: đức Như Lai nói không có Phật mười phương. Thật ra trong các kinh Đại Thừa ta nói có thập phương chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Những điều tránh tụng như vậy là cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Nếu người nào đối với những việc này sanh lòng nghi còn có thể phá hoại được vô lượng phiền não.

Nếu người nào ở trong những việc này sanh lòng quyết định thời gọi là chấp trước.

Ca Diếp Bồ-tát bạch Phật rằng : Thế nào là chấp trước ?

Này Thiện nam tử ! Những người như vậy hoặc do người khác dạy bảo, hoặc nghe người khác nói, hoặc tự tìm kinh điển, với những điều ham thích chẳng thể buông bỏ, đây gọi là chấp trước.

Bạch Thế Tôn ! Sự chấp trước này là thiện hay là bất thiện ?

Này Thiện nam tử ! Sự chấp trước như vậy chẳng gọi là thiện, vì không thể phá hoại những lưới nghi.

Bạch Thế Tôn ! Những người này vốn tự chẳng nghi, sao lại nói rằng chẳng phá hoại lưới nghi ?

Này Thiện nam tử ! Luận về người chẳng nghi chính là nghi.

Bạch Thế Tôn ! Nếu có người nói rằng bực Tu-đà-hoàn chẳng đọa ba ác đạo. Người này cũng nên gọi là chấp trước, là nghi.

Này Thiện nam tử ! Nên gọi là quyết định, mà chẳng được gọi là nghi. Tại sao vậy ?

Này Thiện nam tử ! Như có người trước kia thấy cây thấy người, về sau đi ban đêm từ xa thấy gốc cây trụ, bèn nghi rằng đó là người hay là cây ?

Như người trước thấy Tỳ-kheo và Phạm Chí, lúc sau đi đường từ xa thấy Tỳ-kheo bèn nghi rằng đó là Sa-môn hay là Phạm Chí ?

Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò, bèn nghi rằng đó là bò hay trâu ?

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh trước thấy hai vật về sau bèn sanh nghi, vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng.

Ta cũng chẳng nói rằng bực Tu-đà-hoàn có đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, có gì người này lại sanh lòng nghi !

Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói phải trước có thấy rồi sau mới nghi. Nhưng có người lúc chưa thấy hai vật cũng lại sanh nghi.

Như đối với Niết-bàn. Như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sanh nghi rằng dòng nước này sâu hay cạn.

Này Thiện nam tử ! Luận về Niết-bàn chính là dứt khổ, chẳng phải là Niết-bàn thời chính là khổ. Tất cả chúng sanh thấy có khổ cùng chẳng phải khổ.

Như thấy đói khát, lạnh nóng, giận mừng, bệnh gầy, an ổn, trẻ, già, sống chết, trôi buộc, cõi mở, ân ái, biệt ly, oán thù gặp gỡ, sau khi thấy những việc này, chúng sanh bèn nghĩ rằng sẽ có những gì xa lìa vĩnh viễn những sự khổ não này chẳng ?

Do đây nên chúng sanh đối với Niết-bàn mà sanh nghi.

Nếu ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục này sao lại sanh nghi.

Lời nói này không đúng nghĩa, vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi, nên ở nơi chỗ mới đến này mà sanh nghi.

Bạch Thế Tôn ! Người đó lúc trước thấy nước sâu cạn đã chẳng sanh nghi, nay có gì mà sanh nghi?

Nầy Thiện nam tử ! Vì trước kia chưa đi nên sanh nghi. Do đây nên ta nói rằng vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng nên sanh nghi.

Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là người nào ?

Nầy Thiện nam tử ! Là người dứt căn lành.

Bạch Thế Tôn ! Những hạng người nào có thể dứt căn lành.

Nầy Thiện nam tử ! Người thông minh lanh lợi có thể khéo phân biệt, nếu xa lìa bạn lành chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này vì thiếu bốn điều trên mà tự suy nghĩ rằng :

Không có vật bố thí, vì người thí là rời bỏ của cải, nếu bố thí mà có quả báo, thời thí chủ phải thường nghèo cùng, vì nhơn cùng quả giống nhau. Do suy nghĩ những việc như vậy nên người này nói rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng :

Thí chủ, người thọ và tài vật đều là vô thường biến đổi, nếu không biến đổi sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ, đây là của cải. Nếu không người thọ sao lại được quả báo, do nghĩa này nên biết rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng :

Lúc thí chủ bố thí có năm sự bố thí : Người thọ thí khi lãnh được của cải rồi hoặc làm lành, hoặc làm điều chẳng lành, mà thí chủ này cũng chẳng mắc phải quả báo lành hay chẳng lành, như trong đời từ hột sanh ra trái, rồi từ trái trở lại có hột.

Nhơn chính là thí chủ, quả chính là người thọ, mà người thọ này không thể đem điều thiện, điều bất thiện của mình đã làm khiến cho thí chủ được quả báo thiện cùng bất thiện, do nghĩa này nên không như không quả. Nếu nói không như không quả như vậy, nên biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng :

Không có vật bố thí, vì vật bố thí là vô ký, đã là vô ký thời đâu có quả báo lành, không quả báo lành tức là vô ký.

Của vật nếu là vô ký, nên biết rằng không có quả báo thiện ác, nên không có sự bố thí không như không quả.

Nếu nói rằng: không như không quả như vậy, phải biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng :

Người bố thí do nơi ý, ý này chẳng phải là sắc pháp, không thể thấy không đối tượng, đã chẳng phải là sắc pháp thời đâu có thể bố thí, do đây nên không có sự bố thí không như không quả.

Nếu nói: không như không quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh lại suy nghĩ rằng :

Nếu thí chủ cúng thí cho tượng Phật, tượng chư Thiên cho cha mẹ đã qua đời, như vậy là có người thí mà không người thọ.

Nếu không người thọ thời lẽ ra không quả báo, nếu không quả báo thời là không nhơn, nếu đã không nhơn thời là không quả.

Nếu nói không nhơn quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng :

Không cha không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, đúng lý phải thường sanh không có đoạn tuyệt, vì nhơn là thường có, nhưng chẳng thường sanh, do đây nên biết rằng không có cha mẹ.

Người này lại nghĩ rằng : Không cha không mẹ. Vì nếu thân chúng sanh do cha mẹ mà có, lẽ ra một người phải đủ cả hai căn nam nữ, nhưng sự thật không có đủ, do đây biết rằng chúng sanh chẳng phải do cha mẹ mà có.

Người này lại nghĩ rằng: chẳng phải do cha mẹ mà có ra chúng sanh, vì chính mắt họ thấy chúng sanh chẳng giống với cha mẹ, nghĩa là thân hình, diện mạo, tâm tánh, đi đứng, cử động chẳng giống với cha mẹ, nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh.

Người này lại nghĩ rằng trong đời có bốn thứ không có :

- Một là chưa sanh gọi là không có, như lúc còn là viên đất sét thời chưa có công dụng của cái bình.
- Hai là đã diệt mất gọi là không có, như cái bình đã bể hư thời gọi là không có.
- Ba là riêng khác nhau nên lẫn không có, như trong bò không có ngựa trong ngựa không có bò.
- Bốn là rốt ráo gọi là không có, như sừng thỏ lông rùa.

Cha mẹ cũng đồng như bốn thứ không có này. Nếu nói cha mẹ là nhơn có ra chúng sanh, lúc cha mẹ chết đ³ưa con bắt tất cũng chết, do đây nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh.

Người này lại nghĩ rằng : Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, lẽ ra nhơn nơi cha mẹ thường sanh ra chúng sanh, nhưng lại có hóa sanh và thấp sanh, do đây nên biết chẳng phải nhơn nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh.

Người này lại nghĩ rằng : Tự có chúng sanh chẳng phải nhơn nơi cha mẹ mà đ³ược sanh trưởng, như chim công nghe tiếng sấm nổ mà có trứng, như chim thanh tước uống nước mắt của chim tước trống mà có trứng, như chim cộng mạng thấy chim trống múa bèn có trứng.

Người này lúc suy nghĩ những điều trên đây, nếu chẳng gặp được bậc thiện tri thức khai thị, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại nghĩ rằng :

Trong đời không có quả thiện ác, vì có những chúng sanh tu tập đủ mười điều lành, ưa thật hành bố thí siêng làm công đức, mà những người này cũng lại bị các bệnh tật nhóm trên thân, hoặc chết yếu, hoặc mất của, hoặc nhiều sự lo khổ.

Cũng có những người tạo đủ mười điều dữ, tham lam, bòn xén, tật đố, giải đãi, mà lại mạnh khỏe sống lâu, hoặc giàu có không sầu khổ, do đây nên biết rằng không có quả thiện ác.

Người này lại nghĩ rằng :

Tôi cũng từng nghe các thánh nhơn nói có người tu tập pháp lành khi chết bị đọa trong ba đường dữ. Có người làm điều ác khi chết sanh trong loài người trên trời, do đây nên biết rằng không quả thiện ác.

Người này lại nghĩ rằng :

Các thánh nhơn nói hai thuyết : Hoặc nói sát sanh được quả báo lành, hoặc nói sát sanh mắc quả báo dữ.

Thánh nhơn còn nói bất định, tại sao tôi lại nói quyết định, do đây nên biết không có quả thiện ác.

Người thông minh này lại nghĩ rằng :

Trong đời không có thánh nhơn, vì nếu nói là thánh nhơn thì phải chứng được thánh đạo.

Tất cả chúng sanh lúc có đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết rằng người này đồng thời đủ có phiền não và chánh đạo.

Nếu đồng thời có thời chánh đạo chẳng phá được kiết sử.

Nếu không phiền não mà tu hành chánh đạo, thời chánh đạo ấy dùng làm gì ?

Do đây nên người đủ phiền não thời chánh đạo chẳng thể phá hoại được, người không phiền não thời chánh đạo lại vô dụng. Do đây nên biết trong đời không có bậc thánh nhơn.

Người thông minh này lại nghĩ rằng :

Vô minh làm duyên cho hành, nhân đến sanh làm duyên cho lão tử, mười hai nhơn duyên này tất cả chúng sanh đồng có.

Tám thánh đạo tánh nó bình đẳng cũng như vậy, lúc một người được, thời tất cả người lẽ ra cũng được, lúc một người tu hành lẽ

ra tất cả khổ đều diệt, vì phiền não bình đẳng. Mà nay chẳng đồng chứng đẳng, do đây nên biết rằng không có chánh đạo.

Nam-mô Đại Bát Niết-bàn Hội Thượng Phật, Bồ-tát
Ma-ha-tát. (3 lần)

(Trang 733)

MA HA BÁT NHÃ BA-LA-MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uân giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới. Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí, diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba-la yết đế, ba-la tăng yết đế, Bồ-đề tát bà-ha.

(3 lần)

DƯỢC VƯƠNG BỒ-TÁT ĐÀ LA NI

An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ. chỉ lệ, già lê đệ, xa mế, xa lý đa vĩ. Chuyên đế, mục đế mục đa lý. Ta lý, a vĩ ta lý, tang lý, Ta lý xoa đệ, a xoa duệ.

A kỳ nhị chuyên đế xa lý, đà la ni. A lư dà bà ta kị đá tỳ xoa nhị, Nễ tỳ thế, a tiện đa la nễ lý thế, A đàn đá ba lệ thâm địa, âu cứu lệ, mâu cứu lệ.

A la lệ, ba la lệ, thủ ca sai, a, tam ma tam lý, Phật đà tỳ kiết lợi diệt đế, đạt ma ba lợi sai đế, Tăng già niết cù sa nễ, bà xá bà xá thâm địa, Mạn đà lã, mạn đà lã xoa dạ đa.

Bư lâu đá, bư lâu đá kiêu xá lược, Ác xoa lã, ác xoa dã đa dã, A bà lư, A ma nhã na đa dạ". (3 lần)

HỒI HƯƠNG

Phúng kinh công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hương
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
Tốc vãng vô lượng quang Phật-sát.

Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ-tát vi bạn hữu.

Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dĩ chúng sanh
Giai cộng thành Phật đạo.

PHỤC NGUYỆN

Thượng lai đệ tử chúng đấng, cung đôi Phật tiền, thành tâm phúng tụng Đại-thừa kinh Đại Bát Niết-bàn, cập niệm Phật công đức chuyên vì hồi hướng kỳ nguyện cho đệ tử chúng con tiêu tai tiêu nạn, tật bệnh tiêu trừ, tội chướng, báo chướng, phiền não chướng, nghiệp chướng tất giai tiêu diệt, thân tâm thanh tịnh, tinh tấn tu hành, hiện tiền phước huệ trang nghiêm, một hậu đấng A Di Đà thọ ký.

Phổ nguyện: âm siêu dương thối, pháp giới chúng sanh, tình dữ vô tình, tề thành Phật đạo.

Nam-mô A Di Đà Phật

QUY Y TAM BẢO

**Tự Quy y Phật, Đương nguyện chúng sanh, Thế
giải đại đạo, Phát Vô thượng tâm.**

**Tự Quy y Pháp, Đương nguyện chúng sanh,
Thâm nhập kinh tạng, Trí huệ như hải.**

**Tự Quy y Tăng, Đương nguyện chúng sanh,
Thống lý đại chúng, Nhất thiết vô ngại.**

**Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.**

HÒA NAM THÁNH CHÚNG.